

PHỤ LỤC V

NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

STT	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung Điều lệ sau sửa đổi	Lý do sửa đổi
1	Điều 1, khoản 6	6. “ Cán bộ quản lý ” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị <u>chỉ định</u> quản lý và điều hành công ty.	6. “ Cán bộ quản lý ” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và <u>các cán bộ quản lý khác</u> được Hội đồng quản trị <u>phê chuẩn</u> quản lý và điều hành công ty.	Thay đổi từ ngữ cho phù hợp.
2	Điều 3	Trụ sở giao dịch chính của Công ty: Đường Nguyễn Xiển, Phường Vĩnh Hải – Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.	Trụ sở giao dịch chính của Công ty: 18, Đường Nguyễn Xiển, Tổ 23, Phường Vĩnh Hải – Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa.	Theo GPKD đang ký mới.
3	Điều 4	Điều 4: Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh và phạm vi hoạt động	Điều 4: Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh, phạm vi và <i>thời gian hoạt động</i>	Bổ sung từ cho đầy đủ.
4	Điều 7, 8, 9	Điều 7: Tổ chức Đảng và tổ chức Chính trị Xã hội Điều 8: Quyền Công ty Điều 9: Nghĩa vụ của Công ty	Bỏ	Không cần thiết
5	Điều 10, khoản 3	Vốn điều lệ: 3. Vốn điều lệ được sử dụng cho các hoạt động sau: a) Đầu tư trang thiết bị và các công cụ cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. b) Cung cấp vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. c) Góp vốn liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế khác.	Bỏ	Không cần thiết

	<p>d) Mua cổ phần, trái phiếu của các đơn vị kinh tế khác.</p> <p>e) Các dự trữ cần thiết về động sản và bất động sản.</p> <p>Không sử dụng vốn điều lệ để chia cổ tức, hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, ngoại trừ quy định tại <i>Điều 11.4 a và Điều 16.</i></p>	
Điều 11, khoản 2, 3, 4	<p>2. Việc tăng, giảm vốn điều lệ dưới 30% do Hội đồng quản trị quyết định, nếu từ 30% trở lên phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>3. Tăng vốn: Công ty có thể tăng vốn theo các hình thức sau:</p> <p>a) Gọi thêm vốn cổ phần bằng cách phát hành thêm cổ phiếu;</p> <p>b) Bổ sung vốn khi sản xuất kinh doanh có lãi.</p> <p>4. Giảm vốn: Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp:</p> <p>a) Hoàn trả một phần vốn góp cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn của họ trong vốn điều lệ của Công ty trong trường hợp thu hẹp quy mô sản xuất của Công ty hoặc tổ chức lại Công ty. Việc hoàn trả cho cổ đông vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;</p> <p>b) Trường hợp khác theo luật phá sản doanh nghiệp.</p>	<p>Căn cứ điểm c Khoản 2 và điểm b Khoản 3 Điều 104 LDN</p>
6	<p>a. Hoàn trả một phần vốn góp cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn của họ trong vốn điều lệ của Công ty trong trường hợp thu hẹp quy mô sản xuất của Công ty hoặc tổ chức lại Công ty. Việc hoàn trả cho cổ đông vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;</p> <p>b. Trường hợp khác theo quy định pháp luật</p>	

Điều 13	<p>Các loại cổ phần</p> <p>Công ty được phép phát hành các loại chứng khoán khác nhau khi Đại Hội Đồng cổ đông thông qua và phải phù hợp với pháp luật.</p> <p>Khi mới thành lập Công ty chỉ phát hành cổ phần phổ thông. Tùy theo tình hình thực tế ở mỗi thời điểm huy động, Công ty có thể phát hành Cổ phần ưu đãi cổ tức.</p> <p>1. Cổ phần phổ thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. • Tất cả cổ phần phổ thông đều có giá trị về quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. • Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi cổ tức. <p>2. Cổ phần ưu đãi cổ tức: Khi có nhu cầu, Công ty sẽ phát hành cổ phần ưu đãi cổ tức.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Người được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Người sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức gọi là cổ đông ưu đãi. • Cổ phần ưu đãi cổ tức có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 	<p>Các loại cổ phần</p> <p>Công ty được phép phát hành các loại chứng khoán khác nhau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải phù hợp với pháp luật.</p> <p>Khi mới thành lập Công ty chỉ phát hành cổ phần phổ thông. Tùy theo tình hình thực tế ở mỗi thời điểm huy động, Công ty có thể phát hành <i>chứng chỉ chứng khoán khác</i></p> <p>Cổ phần phổ thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. • Tất cả cổ phần phổ thông đều có giá trị về quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. • Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi cổ tức. 	Điều 78 luật DN
Điều 14	<p>Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành</p>	<p>Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu</p>	Theo điều 6, Điều lệ mẫu

<p>hoặc bút toán ghi số xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên cổ đông.</p> <p>2. Cổ đông của Công ty được quyền nhận một hoặc một số cổ phiếu cho tất cả cổ phần của mình.</p> <p>3. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính. Mọi cổ phiếu của Công ty phát hành đều phải ghi rõ, đầy đủ nội dung quy định tại Điều 85 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Công ty phát hành 1 loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông</p> <p>5. Nếu cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông sở hữu số cổ phiếu đó phải thông báo cho Công ty biết bằng văn bản trong thời gian sớm nhất, và có quyền yêu cầu Công ty cấp cổ phiếu mới để thay thế sau khi được Công an xác nhận hoặc cam đoan: Đã tiến hành tìm kiếm hết mức, nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để hủy và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những tranh chấp phát sinh từ cổ phiếu đã cáo mất. Cổ đông phải trả phí tổn cho việc cấp cổ phiếu mới do Công ty qui định.</p>	
<p>Đổi với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt nam, trước khi tiếp nhận để nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</p>	<p>tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Chúng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trường hợp chúng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chúng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>



<p>Điều 15:</p>	<p>Chào bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần</p> <p>1. Mua bán, chuyển nhượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán, giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ của cổ phần tại thời điểm gần nhất. - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ thì được thực hiện theo luật doanh nghiệp. - Các cổ phần được chuyển nhượng tự do, việc chuyển nhượng được thực hiện thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật hiện hành. - Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. 	<p>Chào bán, chuyển nhượng và thừa kế cổ phần</p> <p>1. Mua bán, chuyển nhượng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán, giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ của cổ phần tại thời điểm gần nhất. - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ thì được thực hiện theo luật doanh nghiệp. - Các cổ phần <i>(đã được thanh toán đầy đủ)</i> được chuyển nhượng tự do, việc chuyển nhượng được thực hiện thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật hiện hành. - <i>Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</i> - Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. - <i>Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</i> 	<p>Theo Điều 8, Điều lệ mẫu</p>
-----------------	--	--	---------------------------------

		<p>- Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07(bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán, ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần chưa thanh toán đầy đủ.</p> <p>- Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>- Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan công với tiền lãi theo tỷ lệ bằng 1.5 lần lãi suất tiền gọi có kì hạn năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	
Điều 17, khoản 2	<p>Trái phiếu</p> <p>1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định việc phát hành trái phiếu Công ty, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, lãi suất phát hành.</p>	<p>Trái phiếu</p> <p>1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc phát hành trái phiếu Công ty, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, lãi suất phát hành.</p>	Điều 104 Luật doanh nghiệp
10			

Điều 20	<p>Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông</p> <p>1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua, chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>3. Chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông</p> <p>1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua, chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế của Công ty.</p> <p>3. Chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần</p> <p>5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Vi phạm pháp luật- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.	Điều 12, Điều lệ mẫu

11

		<p>- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước ngày cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p>	
Điều 22 – khoản 2 – mục g.	<p>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;</p> <p>d) Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;</p> <p>e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>f) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác;</p> <p>g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>h) Thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; điều chỉnh tăng giảm vốn trên 30% vốn điều lệ như quy định tại</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được</p>	Điều 14, Điều lệ mẫu

	<p><i>Điều 11 của Điều lệ này.</i></p> <p>i) Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của Công ty theo quy định tại <i>Điều 16</i> của Điều lệ này.</p> <p>j) Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p>	<p>phát hành đối với mỗi loại cổ phần :</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>o. Việc Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p>	
--	--	---	--

		<p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó từ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khởp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các văn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
Điều 23.	<p>Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một lần.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp:</p> <p>a) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần của Công ty trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.</p> <p>c) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền hạn và nhiệm vụ của người quản lý quy định tại Điều 35 của Điều lệ này, Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm b khoản 2 điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại</p>	<p>Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần của Công ty trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>	Điều 13, Điều lệ mẫu

	<p>hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu theo quy định tại điểm b khoản 2 điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở đi lại.</p> <p>3. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.</p>
	<p>bảng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của ít nhất một cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập nếu Ban kiểm soát tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 35 của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và e khoản 2 Điều này.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p>

		<p><i>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát tình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở đi lại.</i></p> <p>4. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ này.</p>	
Điều 24, khoản 1	<p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông :</p> <p>1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên danh sách chốt cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập căn cứ trên thông báo của tổ chức phát hành. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải hoàn tất trước ngày khai mạc đại hội ít nhất mười ngày.</p>	<p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông :</p> <p>2. Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông dựa trên danh sách chốt cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán lập căn cứ trên thông báo của tổ chức phát hành. Danh sách này được lập khi có quyết định triệu tập và phải hoàn tất trước ngày khai mạc đại hội ít nhất 30 ngày.</p>	Theo quy chế công bố thông tin
14			
Điều 25, khoản 1	<p>Mời họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời, chương trình, nội dung và các tài liệu thảo luận trong cuộc họp đến tất cả cổ đông có quyền dự</p>	<p>Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1.. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p>	Theo Điều 17, Điều lệ mẫu
15			

	<p>hợp chậm nhất bảy ngày trước ngày khai mạc.</p> <p>2. Cổ đông được dự họp có quyền kiến nghị sửa đổi chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, kiến nghị phải lập thành văn bản gửi đến Công ty chậm nhất ba ngày trước khi khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng cổ phần, nội dung kiến nghị.</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 điều này nếu:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>2.. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán nhà nước, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty.</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 2 Điều 19 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ</p>	
--	--	--	--

		<p>và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình hợp.</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 25 trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>d. Các trường hợp khác.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình hợp.</p> <p>6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	
16	Điều 26, khoản 2, 3, 4	<p>Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông :</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Theo Điều 18, Điều lệ mẫu</p>

		<p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày (ba mươi ngày), kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, thì được triệu tập cuộc họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp quy định tại khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này.</p>	
Điều 27, khoản 3, mục a	<p>Biểu quyết:</p> <p>3. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội, khi biểu quyết được tính số phiếu bằng số cổ phần mà họ sở hữu.</p> <p>a) Cổ đông vắng mặt có thể ủy quyền cử người đại diện bằng văn bản có chữ ký và văn bản phải được gửi cho Hội đồng quản trị trước khi khai mạc Đại hội 3 ngày (ba ngày). Cổ đông đại diện cho nhóm cổ đông không được ủy quyền cho cổ đông khác, nếu vắng mặt thì nhóm cổ đông đó phải cử đại diện khác cho nhóm cổ đông của mình.</p>	<p>Biểu quyết:</p> <p>3. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội, khi biểu quyết được tính số phiếu bằng số cổ phần mà họ sở hữu.</p> <p>a) Cổ đông vắng mặt có thể ủy quyền cử người đại diện bằng văn bản có chữ ký, <i>văn bản ủy quyền phải được nộp trước khi vào phòng họp</i>. Cổ đông đại diện cho nhóm cổ đông không được ủy quyền cho cổ đông khác, nếu vắng mặt thì nhóm cổ đông đó phải cử đại diện khác cho nhóm cổ đông của mình.</p>	Điều 15, Điều lệ mẫu

<p>Điều 28, khoản 1, 2</p>	<p>Điều kiện thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp khi biểu quyết có số phiếu bằng nhau thì chủ tọa bỏ lá phiếu thứ hai để quyết định. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt hoặc bất đồng ý kiến.</p> <p>2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi:</p> <p>a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>b) Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>c) Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại Hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p> <p>3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều kiện thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với mọi cổ đông, kể cả các cổ đông vắng mặt hoặc bất đồng ý kiến.</p> <p>3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi:</p> <p>c) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>d) Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</p> <p>c) Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại Hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p> <p>3. Bỏ (mang xuống Điều 29)</p>	<p>Theo luật DN và điều 20 Điều lệ mẫu</p>
----------------------------	--	--	--

	trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.	
Điều 29	<p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b) Chương trình làm việc.</p> <p>c) Chủ tọa và thư ký.</p> <p>d) Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>e) Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu trắng và phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua.</p> <p>f) Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.</p> <p>h) Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	<p>Điều 106, Luật doanh nghiệp</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>b. Chương trình làm việc.</p> <p>c. Chủ tọa và thư ký.</p> <p>d. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu trắng và phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua.</p> <p>i) Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>j) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.</p> <p>k) Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp</p> <p>3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công</p>

		<p>bỏ trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
<p>Điều 31, khoản 1, 3</p>	<p>Đại diện theo ủy quyền :</p> <p>1. Người đại diện theo ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của Công ty, người đại diện không thể là cổ đông hoặc thành viên của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế có mặt hàng cạnh tranh với Công ty. Người đại diện phải hội đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đủ quyền công dân và năng lực pháp lý. • Không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, không có tiền án, tiền sự; có ý thức chấp hành pháp luật. • Trong trường hợp người đại diện không phải là Cán bộ công nhân viên Công ty thì phải có mối quan hệ trong gia đình là: Cha, mẹ, vợ, hoặc chồng, anh chị em ruột hoặc người thừa kế hợp pháp với cổ đông. <p>2. Việc cử đại diện phải thực hiện bằng văn bản và được Hội đồng quản trị chấp nhận, văn bản này nhằm</p>	<p>Các đại diện được ủy quyền :</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người</p>	<p>Theo điều 15, Điều lệ mẫu</p>

		<p>xác nhận quyền hạn của người đại diện khi người này đưa vào lập trường của mình để bỏ phiếu lựa chọn các quyết định của các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Đại hội đồng cổ đông. Sự ủy quyền có thể thực hiện từng lần, hoặc ủy quyền thường xuyên.</p> <p>3. Văn bản chỉ định người đại diện phải do người có quyền hợp pháp ký. Nếu bên có quyền là một cá nhân hoặc một tập thể không có tư cách pháp nhân ủy quyền cho người không phải là CB-CNV Công ty thì sự ủy quyền đó phải có xác nhận của cơ quan công chứng.</p> <p>4. Người ký giấy ủy quyền có thể thay đổi hoặc thu hồi sự ủy quyền bằng thông báo gửi trực tiếp đến Hội đồng quản trị, có hiệu lực tức thời trước khi Hội đồng quản trị xét duyệt tư cách cổ đông.</p>	<p>được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
21	Điều 32, khoản 2	<p>Cơ cấu quản lý và kiểm soát Công ty :</p> <p>2. Giám đốc Công ty: là người đại diện theo pháp luật</p>	<p>Cơ cấu quản lý và kiểm soát Công ty :</p> <p>2. Giám đốc Công ty: là người đại diện theo pháp luật</p>	Khoản 1 Điều 26 Điều lệ mẫu

	<p>của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm Giám đốc hoặc Giám đốc Công ty có thể được thuê.</p>	<p>của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p>	
Điều 33, khoản 1, 5, 7	<p>Hội đồng quản trị :</p> <p>1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị sẽ không ít hơn 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị có 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và các ủy viên.</p> <p>2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>3. Hội đồng quản trị bầu một người trong số thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín. Khi họp Hội đồng quản trị để bầu hoặc bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có đủ các thành viên trong Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có mặt dự họp có một phiếu biểu quyết.</p>	<p>Hội đồng quản trị :</p> <p>1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị sẽ không ít hơn 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị có 01 Chủ tịch và các ủy viên.</p> <p>2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>3. Hội đồng quản trị bầu một người trong số thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín. Khi họp Hội đồng quản trị để bầu hoặc bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có đủ các thành viên trong Hội đồng quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có mặt dự họp có một phiếu biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị khi hành xử công việc của mình</p>	Lưu ý không qui định

		<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị được đề cử Phó chủ tịch Hội đồng quản trị và phải được trên 50% thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>6. Hội đồng quản trị khi hành xử công việc của mình phải chấp hành theo Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và luật pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ năm năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Khi bầu các thành viên Hội đồng quản trị, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất 1/3 số thành viên phải được bầu lại để mang tính kế thừa và ít nhất 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập không điều hành trong bộ máy quản lý của Công ty để bảo đảm khách quan trong công việc điều hành.</p>	<p>phải chấp hành theo Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và luật pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ năm năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Khi bầu các thành viên Hội đồng quản trị, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất 1/3 số thành viên phải được bầu lại để mang tính kế thừa và ít nhất 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập không điều hành trong bộ máy quản lý của Công ty để bảo đảm khách quan trong công việc điều hành.</p>	Điều 110, luật
23	Điều 34, khoản 2	<p>Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị :</p> <p>2. Thành viên HĐQT không được là thành viên quản lý doanh nghiệp khác có mặt hàng cạnh tranh với công ty hoặc là cổ đông của các công ty khác có mặt hàng cạnh tranh với công ty. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành công ty.</p>	<p>Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị :</p> <p>2. Bỏ</p>	DN
24	Điều 37	<p>Hoạt động của Hội đồng quản trị :</p> <p>1. Các cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và làm chủ tọa, nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, có thể ủy quyền cho Phó chủ tịch bằng văn bản gửi đến trước phiên họp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị họp 1 quý 1 lần.</p>	<p>Hoạt động của Hội đồng quản trị :</p> <p>3. Các cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và làm chủ tọa, nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, có thể ủy quyền cho một trong các thành viên HĐQT bằng văn bản gửi đến trước phiên họp.</p> <p>4. Hội đồng quản trị họp 1 quý ít nhất là 1 lần.</p>	Điều 27 Điều lệ mẫu

<p>Điều 38</p>	<p>Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị :</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Bị chết, mất tích, hạn chế năng lực hành vi dân sự.</p> <p>b) Bị truy cứu trước pháp luật.</p> <p>c) Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân, hoặc cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.</p> <p>d) Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị.</p> <p>e) Bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.</p> <p>f) Các trường hợp khác mà luật pháp cấm không cho giữ chức thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>g) Từ chức</p> <p>Chủ tịch, Phó chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức, hoặc pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức vụ Chủ tịch, phó chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến Hội đồng quản trị của Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp để xem xét và quyết định.</p>	<p>Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị :</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 110 Luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn xin từ chức;</p> <p>d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba đề bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>Điều 115. Luật doanh nghiệp 2005</p>
----------------	--	---	---

	<p>Tường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiên bị miễn nhiệm thì theo qui định Phó chủ tịch Hội đồng quản trị lên thay. Sau đó Hội đồng quản trị bầu Phó chủ tịch mới.</p> <p>Nếu Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị cùng đương nhiên bị miễn nhiệm thì Hội đồng quản trị bầu tạm Chủ tịch thay thế để đảm đương công việc cho đến khi có Chủ tịch mới được bầu. Thời gian thay thế tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày được bầu thay thế.</p> <p>Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên qui định tại Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông trong thời gian không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.</p>		
Điều 51, khoản 4, 5	<p>Chế độ Kế toán, Kiểm toán :</p> <p>4. Đầu mỗi năm tiếp sau, trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo quyết toán tài Chính năm trước bao gồm:</p> <p>a) Bảng cân đối kế toán.</p> <p>b) Báo cáo hoạt động sản xuất - kinh doanh.</p> <p>c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.</p> <p>d) Thuyết minh, giải trình Báo cáo tài chính.</p> <p>e) Báo cáo tổng hợp kiểm kê cuối niên độ.</p> <p>f) Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về các Báo cáo tài chính.</p>	<p>Chế độ Kế toán, Kiểm toán :</p> <p>4. Đầu mỗi năm tiếp sau, trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo quyết toán tài Chính năm trước <i>đã kiểm toán</i>, bao gồm:</p> <p>a) Bảng cân đối kế toán.</p> <p>b) Báo cáo hoạt động sản xuất - kinh doanh.</p> <p>c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.</p> <p>d) Thuyết minh, giải trình Báo cáo tài chính.</p> <p>e) Báo cáo tổng hợp kiểm kê cuối niên độ.</p> <p>f) Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về các Báo</p>	Quy chế công bố thông tin
26			

	g) Các báo cáo của Cơ quan kiểm toán độc lập (nếu cần).	cáo tài chính. g) Các báo cáo của Cơ quan kiểm toán độc lập.	
	5. Quyết toán năm phải được trình Hội đồng quản trị trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính và Hội đồng quản trị duyệt thông qua quyết toán sau 50 ngày kể từ ngày được trình. Quyết toán tài chính năm phải được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập.	5. Quyết toán tài chính năm phải được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập, công bố thông tin chậm nhất là mười (10) ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính năm không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
27	Điều 64 Đăng ký Điều lệ : 1. Điều lệ này bao gồm 10 chương và 64 Điều khoản.	Đăng ký Điều lệ : 1. Điều lệ này bao gồmchương và Điều khoản (căn cứ theo nội dung sửa đổi trên để điều chỉnh cho phù hợp)	

Chủ tịch :

- Điều lệ mẫu : Theo thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012
- Luật doanh nghiệp : số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005

Nha Trang, ngày 10 tháng 04 năm 2014

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Tiến Anh

Nơi gửi:

- UBCKNN, SGDDCK, Cổ đông
- HĐQT, BKS, HCQT
- Lưu